

Question 1:

Kiến thức về phát âm

A. invest /ɪn'vest/

C. access /'æk.ses/

Đáp án D, âm e đọc là /ɪ/, còn lại đọc là /e/

→ **Chọn đáp án D**

B. connect /ɪn'vest/

D. revise /rɪ'vaɪz/

Question 2:

Kiến thức về phát âm ed

A. attained /ə'teɪnd/

C. buried /'berɪd/

→ **Chọn đáp án D**

B. fulfilled /fʊl'fɪld/

D. attended /ə'tendɪd/

Question 3:

Kiến thức về trọng âm

A. effect /ɪ'fekt/

C. country /'kʌn.tri/

Đáp án A trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, các đáp án còn lại trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

→ **Chọn đáp án A**

B. moment /'moʊ.mənt/

D. factor /'fækt.ə/

Question 4:

Kiến thức về trọng âm

A. overlook /,oʊ.və'lok/

C. beautify /'bjʊ:.tə'faɪ/

Đáp án A trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba, các đáp án còn lại trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất

→ **Chọn đáp án A**

B. imitate /'ɪm.ə'tet/

D. mechanise /'mek.ə'naɪz/

Question 5:

Kiến thức về từ vựng

A. infringe (v): vi phạm, xâm phạm

B. imprint A on/in B (v): có tác động đến nỗi không thể quên, thay đổi được

C. impinge on sb/sth (v): tác động, ảnh hưởng

D. indulge (v): nuông chiều, say mê

Ta có cụm: impinge on sb/sth: tác động, ảnh hưởng lên cái gì

Ta không chọn B vì imprint sth on sb/sth, ở đây không có 1 tân ngữ sau động từ cần điền, nên ta loại đáp án này.

→ **Chọn đáp án C**

Question 6:

Kiến thức về câu hỏi đuôi

Mệnh đề chính ở dạng phủ định nên câu hỏi đuôi ở dạng khẳng định → loại đáp án B, D

Chủ ngữ ở mệnh đề chính là “solving this crisis” chủ ngữ câu hỏi đuôi là it.

→ **Chọn đáp án A**

Question 7:

Kiến thức về chia động từ

Căn cứ vào cụm “which took place in 1999” là thời gian trong quá khứ nên động từ chia ở thì quá khứ.

Căn cứ vào nghĩa của câu nên động từ chia ở dạng bị động

→ **Chọn đáp án D**

Question 8:

Kiến thức về trật tự tính từ

Ta có quy tắc về tính từ: Opinion – Size – Age – Shape – Color – Origin – Material – Purpose

Large – size; Rectangular – shape; Brown – color

→ **Chọn đáp án C**

Question 9:

Kiến thức về thành ngữ

Ta có cụm: In the firing line: bị chỉ trích, đổ tội, tấn công

→ **Chọn đáp án B**

Question 10:

Kiến thức về chia động từ

Hành động “read” xảy ra trước hành động “went” trong quá khứ nên ta phải chia ở thì quá khứ hoàn thành

Cấu trúc: mệnh đề chia ở thì quá khứ hoàn thành + before + mệnh đề chia ở thì quá khứ đơn

→ **Chọn đáp án D**

Question 11:

Kiến thức về so sánh

Ta có cấu trúc so sánh càng... càng...: The + so sánh hơn + S + V, the + so sánh hơn + S + V

“knowledgeable” là tính từ dài nên ta thêm more đằng trước

→ **Chọn đáp án A**

Question 12:

Kiến thức về cụm từ cố định

Ta có cụm: Take measures: áp dụng biện pháp, thực hiện biện pháp

stamp out = curb

→ **Chọn đáp án C**

Question 13:

Kiến thức về liên từ

A. because + clause: bởi vì

B. though + clause: mặc dù

C. despite + N/V-ing: mặc dù

D. because of + N/V-ing: bởi vì

Sau từ cần điền là một mệnh đề nên loại đáp án C, D

→ **Chọn đáp án A**

Question 14:

Kiến thức về mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian

Mệnh đề chính ở thì tương lai đơn (won't let him go out) → mệnh đề chỉ thời gian ở thì hiện tại đơn/ hiện tại hoàn thành.

Loại A vì chia quá khứ hoàn thành

Loại D vì mệnh đề thời gian không chia tương lai

Loại C vì không hợp nghĩa

→ **Chọn đáp án B**

Question 15:

Kiến thức về rút gọn mệnh đề cùng chủ ngữ

Khi mệnh đề được rút gọn có động từ ở dạng bị động thì rút gọn ta dùng “V-ed”

Câu gốc: If these plants are watered every day, these plants will grow quickly.

If watered every day, these plants will grow quickly.

→ **Chọn đáp án D**

Question 16:

Kiến thức về từ vựng

A. suspicion (n): sự nghi ngờ, tình nghi

B. scrutiny (n): sự xem xét kỹ lưỡng; sự khảo sát tỉ mỉ

C. inception (n): sự khởi đầu

D. peculiarity (n): nét đặc trưng; cái đặc trưng

→ **Chọn đáp án B**

Question 17:

Kiến thức về từ loại

Ta cần điền một tính từ đứng trước danh từ “performance” → loại đáp án B, C

Impressed (a): bị ấn tượng

Impressive (a): gây ấn tượng mạnh mẽ

→ **Chọn đáp án D**

Question 18:

Kiến thức về giới từ

Ta có cụm: Concentrate on: tập trung vào cái gì

→ **Chọn đáp án B**

Question 19:

Kiến thức về cụm động từ

A. take up: chiếm, bắt đầu một sở thích, thói quen B. run through: tập dượt

C. come up: tới gần, đến gần

→ **Chọn đáp án D**

D. put on: tổ chức hoạt động

Question 20:

Kiến thức về từ đồng nghĩa

A. simple (a): đơn giản

C. deceitful (a): lừa dối

ostentatious = showy

ostentatious (a): phô trương

→ **Chọn đáp án D**

B. honest (a): trung thực

D. showy (a): khoe khoang

Question 21:

Kiến thức về từ đồng nghĩa

rebel against: nổi loạn, không nghe theo

A. accept (v): chấp nhận

C. remain (v): còn lại

rebel against = refuse

→ **Chọn đáp án B**

B. refuse(v): từ chối

D. pursue (v): theo đuổi

Question 22:

Kiến thức về từ trái nghĩa

plug into turmoil: rơi vào tình trạng hỗn loạn

A. in chaos: hỗn loạn

C. in order: theo thứ tự, trật tự

plug into turmoil >< in order

→ **Chọn đáp án C**

B. in operation: đang hoạt động

D. in action: hành động

Question 23:

Kiến thức về từ trái nghĩa

flamboyant (a): rực rỡ, nổi bật

A. usual (a): bình thường

C. new (a): mới

flamboyant >< usual

→ **Chọn đáp án A**

B. outstanding (a): nổi bật

D. considerable (a): đáng kể

Question 24:

Kiến thức về giao tiếp

Dan đang nói chuyện với Jack, hàng xóm của anh ấy.

Dan: “_____”

Jack: "Tôi chỉ muốn ở trong phòng điều hòa của mình cả ngày."

A. Bạn sử dụng phòng của mình như thế nào?

B. Có gì trong phòng của bạn không?

C. Bên ngoài trời nóng như thiêu như đốt nhỉ?

D. Tôi cũng vậy.

→ **Chọn đáp án C**

Question 25:

Kiến thức về giao tiếp

Hai học sinh, Anna và Linda, đang nói về hành vi bắt nạt trên mạng.

Anna: “Tôi tin rằng trẻ em nên được cung cấp hướng dẫn về cách đối phó với bắt nạt trên mạng”.

Linda: “_____”. Điều này có thể giúp họ có những trải nghiệm thú vị hơn trên Internet”.

A. Không nghi ngờ gì nữa.

B. Xin lỗi, nhưng bạn nói đúng.

C. Tôi không nghĩ bạn nói đúng.

D. Trên thực tế, tôi khá đồng ý (Sai ở anymore)

→ **Chọn đáp án A**

Câu 26 - 30

DỊCH BÀI:

Từ 'ông bà' mô tả vai trò nuôi dạy con cái kép đặc biệt mà thế hệ này đảm nhận. Nó nhấn mạnh phần quan trọng mà họ có trong cuộc sống gia đình. Với vô số kinh nghiệm đúc kết từ ngày xưa, và với khả năng biến hóa độc đáo từ cố vấn hoặc người hòa giải thành người lắng nghe hoặc bạn bè, họ có thể cung cấp sự hỗ trợ và ổn định trong một thế giới luôn thay đổi. Ý thức trách nhiệm cơ bản đi cùng với điều này là rất lớn. Ông bà thực hiện một vai trò cân bằng giữa nhu cầu của con cái trưởng thành và nhu cầu của cháu mình. Vai trò này rất đa dạng. Đôi khi thể hiện sự quyền lực, nhưng những lúc khác lại chọn cách không lên tiếng.

Vai trò này xuất hiện bất cứ khi nào được yêu cầu, nhưng nó chắc chắn và hoàn toàn đáng tin cậy. Ông bà thường thu hẹp khoảng cách giữa cha mẹ và con cái. Những đứa trẻ nổi loạn, độc lập, đang cố gắng tìm kiếm chỗ đứng cho mình hầu như luôn luôn mâu thuẫn với cha mẹ. Vai trò của ông bà có thể rất quan trọng với điều kiện họ đóng vai trò như những thẩm phán công bằng và có thể truyền đạt cảm giác này cho cả hai bên. Một điều quan trọng mà dường như không có trong cuộc sống của trẻ em ngày nay, đó là ý thức về gia đình, các giá trị, niềm tin và nguyên tắc. Đây là nơi mà ông bà ta bước vào. Tuy nhiên, việc thẩm nhuần niềm tin và giá trị không dễ dàng như cách đây năm mươi hay sáu mươi năm

Question 26:

Kiến thức về từ vựng

A. health (n): sức khỏe

C. wealth (n): sự giàu có

A wealth of sth: có rất nhiều thứ gì đó

→ **Chọn đáp án C**

B. significance (n): sự quan trọng

D. value (n): giá trị

Question 27:

Kiến thức về mệnh đề quan hệ

Ta cần một mệnh đề quan hệ thay thế cho cụm danh từ "The underlying sense of responsibility" nên ta dùng "that"

→ **Chọn đáp án B**

Question 28:

Kiến thức về lượng từ

A. few + N số nhiều: một vài

C. others: những cái khác

→ **Chọn đáp án C**

B. none: không cái nào

D. much + N không đếm được: nhiều

Question 29:

Kiến thức về từ vựng

A. leave (v): rời

C. bridge (v): lấp, bắc cầu

bridge a (the) gap: thu hẹp khoảng cách

→ **Chọn đáp án C**

B. widen (v): mở rộng

D. achieve (v): đạt được

Question 30:

Kiến thức về liên từ

A. Therefore: do đó

C. However: tuy nhiên

→ **Chọn đáp án C**

B. Additionally: ngoài ra, thêm vào đó

D. For example: ví dụ

Câu 31 - 35

DỊCH BÀI:

Tất cả chúng ta đều phải đối mặt với những vấn đề khó khăn một cách thường xuyên. Trên thực tế, đôi khi bạn có thể cảm thấy như bị đè bẹp bởi sức nặng của những vấn đề của mình. Nhưng có bao nhiêu người trong chúng ta sử dụng các kỹ thuật giải quyết vấn đề sáng tạo đặc biệt để giải quyết những vấn đề này? "Tôi không biết có những kỹ thuật đặc biệt," bạn nói. Bạn có tin không, nhiều chuyên gia đã suy nghĩ rất nhiều cho vấn đề giải quyết vấn đề.

Bước đầu tiên rõ ràng để giải quyết một vấn đề là đưa ra các giải pháp khả thi, phải không? Một số chuyên gia nói rằng điều đầu tiên bạn nên làm là xác định vấn đề một cách chi tiết, ngay cả khi nó có vẻ hiển nhiên. Viết vấn đề ra một tờ giấy và bắt đầu tự đặt câu hỏi cho bản thân: Tại sao đây là vấn đề đối với tôi? Nguồn gốc của vấn đề là gì? Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi không giải quyết được vấn đề? Tôi thực sự muốn đạt được điều gì? Tiếp tục đặt câu hỏi cho đến khi không còn gì để hỏi.

Khi bạn đã đặt những câu hỏi này và trả lời chúng, các giải pháp tiềm năng có thể bắt đầu xuất hiện nhiều. Hoặc lúc chúng có thể không xuất hiện. Nếu bạn vẫn gặp khó khăn, một số chuyên gia khuyên bạn nên đi dạo. Đứng vậy - bạn nên tránh xa vấn đề theo đúng nghĩa đen. Việc thay đổi khung cảnh có thể truyền cảm hứng cho những ý tưởng mới, và việc không tập trung vào vấn đề thực sự có thể giúp bạn mở ra những khả năng mới.

Nếu bạn vẫn ra về tay không vào thời điểm này, bạn có thể thử một kỹ thuật bất thường mà một số chuyên gia khuyên dùng. Mở từ điển hoặc bất kỳ cuốn sách hoặc tạp chí nào và chọn từ đầu tiên bạn nhìn thấy. Viết

ra bất cứ điều gì mà từ đó khiến bạn nghĩ đến. Sau đó nhìn lại vấn đề của bạn. Điều gì đó mà bạn đã viết ra có thể thay đổi quan điểm của bạn và giúp bạn nhìn nhận vấn đề theo một khía cạnh khác

Question 31:

Đâu là tiêu đề phù hợp nhất cho đoạn văn?

- A. Vấn đề của việc giải quyết vấn đề.
- B. Đối với mọi giải pháp, đều có một vấn đề.
- C. Nhìn nhận vấn đề theo một cách khác.
- D. Đi bộ và nói chuyện để sửa chữa nó.

→ **Chọn đáp án A**

Question 32:

Cụm từ “**churn out**” trong đoạn 2 gần nghĩa nhất với _____.

- A. nhắc nhở
- B. phục hồi
- C. sản xuất
- D. địa chỉ

churn out: tạo ra = produce

→ **Chọn đáp án C**

Question 33:

Theo đoạn 2, điều gì nói lên bản chất của việc giải quyết vấn đề?

- A. Bạn nên hiểu một vài chi tiết về vấn đề của mình.
- B. Làm rõ vấn đề là một bước hiển nhiên và do đó không cần thiết.
- C. Đặt câu hỏi khác về vấn đề cụ thể có thể là một cơ chế hữu ích.
- D. Bạn nên luôn viết ra vấn đề của mình trên một tờ giấy.

→ **Chọn đáp án C**

Question 34:

Từ “**they**” trong đoạn 4 đề cập đến _____

- A. vấn đề
- B. giải pháp
- C. chuyên gia
- D. khả năng

they = solution

→ **Chọn đáp án B**

Question 35:

Điều nào sau đây KHÔNG đúng trong đoạn văn?

- A. Đi dạo có thể giúp bạn tìm ra những cách mới để giải quyết vấn đề.
- B. Hầu như mọi người đều nghĩ đến các kỹ thuật giải quyết vấn đề khi đối mặt với một vấn đề.
- C. Mọi người đôi khi không thể đưa ra giải pháp cho một vấn đề mặc dù họ cố gắng phân tích nó.
- D. Như đã đề xuất, đôi khi mọi người phải thử những cách mới để giải quyết một vấn đề.

- B không được đề cập

- A đúng vì “If you're still stuck, some experts recommend going for a walk. That's right-you should literally walk away from the problem.”

- C đúng vì “Once you've asked these questions and answered them, potential solutions may start popping up like popcorn. Or they may not.”

- D đúng vì “If you still come up empty-handed at this point, you might try an unusual technique that some experts recommend.”

→ **Chọn đáp án B**

Câu 36 - 42

DỊCH BÀI:

Một hàng cây ngập mặn nhô ra khỏi cát, lộ ra khi thủy triều xuống ngoài khơi đảo Kutubdia ở Vịnh Bengal, là tất cả những gì còn lại của một ngôi làng ven biển mà trong nhiều thế hệ là nơi sinh sống của 250 gia đình. Dân làng buộc phải chạy trốn khi đất đai của họ, vốn bị xói mòn dần trong nhiều thập kỷ, cuối cùng đã bị nhấn chìm bởi thủy triều dâng cao cách đây 5 năm. Đối với những ai bị mắc kẹt, những cái cây phía xa như một lời nhắc nhở về những gì họ đã mất. Chúng cũng như một lời cảnh báo về những gì sắp xảy ra.

Các nhà khoa học Liên Hợp Quốc dự đoán một số tác động tồi tệ nhất của biến đổi khí hậu sẽ xảy ra ở Đông Nam Á và hơn 25 triệu người ở Bangladesh sẽ gặp rủi ro do nước biển dâng vào năm 2050. Ai cũng biết rằng nhiều quốc gia dễ bị tổn thương nhất đối với biến đổi khí hậu là một trong những quốc gia đóng góp ít nhất vào vấn đề đó, và ở đây điều đó chắc chắn đúng. Lượng khí thải carbon của 100.000 cư dân trên đảo Kutubdia là nhỏ - hầu hết thậm chí không được tiếp cận với nguồn cung cấp điện thường xuyên. Nhưng họ sợ rằng đối với họ, thời gian đã không còn nhiều nữa.

Cho đến nay, các người dân của cộng đồng ngư dân Ali Akbar Dail, sống bấp bênh trên dải bờ biển cạnh bờ kè, đã học cách thích nghi với nhiều thảm họa thiên nhiên ập đến với họ. Khi lốc xoáy ập đến, họ nâng con mình lên vai và chạy về hướng mạng lưới trú ẩn của lốc xoáy. Những nơi trú ẩn này, cùng với hệ thống cảnh

báo sớm của đất nước, đã giảm đáng kể số người tử vong. Tuy nhiên, họ nói rằng cứ sau một năm lại càng có nhiều cơn bão mạnh hơn trước, các ngư dân đang tham gia vào cuộc chiến sinh tồn với tài sản duy nhất của họ: đại dương.

Các nhà khoa học cho biết, việc các đảo ở Vịnh Bengal bị chìm là do biến đổi khí hậu tự nhiên và có thể do con người tạo ra. Ví dụ, xói mòn liên quan đến nước dâng do bão có trước khi trái đất nóng lên. Nhưng nhiệt độ bề mặt nước biển, liên quan đến mực nước biển dâng, đã tăng lên ở Vịnh Bengal. Trong một báo cáo được công bố vào tháng trước, các nhà khoa học cho biết họ tin rằng nhiệt độ bề mặt cao hơn ở Ấn Độ Dương đang khiến các cơn lốc xoáy gia tăng tần suất và cường độ.

Có quá nhiều thách thức. Những người dân chài đang dần mất đi mảnh đất của tổ tiên để lại, và họ phải di cư tới những nơi ở khác. Ở đó, họ phải thích ứng với môi trường mới. Nhưng cũng chính tại nơi đây, họ vẫn lo lắng và chẳng biết tương lai sẽ đi đâu, về đâu.

Question 36:

Đâu là tiêu đề phù hợp nhất cho đoạn văn?

- A. Những thách thức đối với biến đổi khí hậu ở Châu Á.
- B. Những làng chài biến mất của Băng-la-đét.
- C. Làm thế nào để thích ứng với thiên tai?
- D. Một tương lai không thể đoán trước đang chờ đợi.

→ **Chọn đáp án B**

Question 37:

Từ “**embattled**” trong đoạn 1 chủ yếu có nghĩa là _____

- A. bối rối bởi những gì đã xảy ra
- B. bao quanh bởi những rắc rối
- C. bị quan về tương lai
- D. tức giận trước nguy hiểm

embattle: bao quanh bởi những khó khăn, thách thức = surrounded by troubles

→ **Chọn đáp án B**

Question 38:

Theo đoạn 2, điều gì được nêu về tác động của biến đổi khí hậu?

- A. Mực nước biển dâng cao sẽ dẫn đến cái chết của 25 triệu công dân Bangladesh vào năm 2050.
- B. Biến đổi khí hậu có thể biến hòn đảo nhỏ Kutubdia thành một ngôi làng nghèo.
- C. Các quốc gia chịu trách nhiệm ít nhất về biến đổi khí hậu có thể bị ảnh hưởng nhiều nhất.
- D. Tác động xấu nhất của biến đổi khí hậu sẽ chỉ xảy ra ở Đông Nam Á.

→ **Chọn đáp án C**

Question 39:

Từ “**they**” trong đoạn 2 đề cập đến _____

- A. dân làng Kutubdia
- B. các nhà khoa học của Liên hợp quốc
- C. Công dân Bangladesh
- D. các cộng đồng đánh cá gần đó

they = the villagers of Kutubdia

→ **Chọn đáp án A**

Question 40:

Từ “**precariously**” trong đoạn 3 gần nghĩa nhất với _____

- A. đều đặn
- B. nguy hiểm
- C. hòa bình
- D. bất lợi

precariously: một cách không chắc, bấp bênh = dangerously

→ **Chọn đáp án B**

Question 41:

Điều nào sau đây là đúng, theo đoạn văn?

- A. Thủy triều ở đại dương Bangladesh trong 5 năm qua đã dâng cao hơn bao giờ hết.
- B. Những cây còn lại trong làng Kutubdia không được những người dân còn sinh sống ở đó coi trọng.
- C. Các người dân của một làng chài đã phải vật lộn để chống chọi với những đợt thiên tai.
- D. Các nhà khoa học cho rằng thiên tai ngày càng gia tăng do sự can thiệp của con người.

→ **Chọn đáp án C**

Question 42:

Điều nào sau đây có thể được suy ra từ đoạn văn?

- A. Tác động của biến đổi khí hậu có thể là thảm họa đối với nền kinh tế của Băng-la-đét.
- B. Các thành viên của cộng đồng đã được hỗ trợ quản lý và thích ứng với thiên tai.

- C. Khí hậu của Băng-la-đét có đặc trưng bởi những thời kỳ có lượng mưa lớn.
D. Một số người ở Băng-la-đét từ chối di cư đến các vùng khác vì tôn trọng đất tổ của họ.

→ **Chọn đáp án B**

Question 43:

Kiến thức về từ vựng

Ta cần phân biệt:

exhausting (a): kiệt sức, mệt mỏi

exhaustive (a): hết mọi khía cạnh, toàn diện

Xét về nghĩa ta thấy “exhausting” không phù hợp

Sửa: exhausting → exhaustive

→ **Chọn đáp án A**

Question 44:

Kiến thức về từ vựng

Ta cần một đại từ thay thế cho cụm danh từ “the genetic structure” là danh từ số ít nên “those” không phù hợp

Sửa: those → that

→ **Chọn đáp án C**

Question 45:

Kiến thức về chia động từ

“in 2014” là thời gian trong quá khứ nên động từ phải chia ở thì quá khứ

Sửa: helps → helped

→ **Chọn đáp án B**

Question 46:

Câu gốc: Tôi đã không nghe tin từ Susan trong vài tháng.

Ta có: S + have/ has + not + for + time

= S + last + Ved + time + ago

= It's + time + since + S + last + Ved.

= The last time + S + V ed + was + time + ago

A. Lần cuối tôi nghe tin từ Susan vài tháng trước. → đúng

B. Susan không nghe tin gì từ tôi vài tháng trước. → sai nghĩa

C. Susan đã nghe tin từ tôi vài tháng trước. → sai nghĩa

D. Tôi đã không nghe tin từ Susan vài tháng trước. → sai nghĩa

→ **Chọn đáp án A**

Question 47:

Câu gốc: Bạn đã bắt cần khi để cửa sổ mở vào đêm qua.

Ta có:

might have Ved/ V3: có lẽ là đã làm gì

shouldn't have Ved/ V3: đáng lẽ không nên làm (nhưng đã làm)

A. Bạn không nên để cửa sổ mở vào đêm qua. → câu này diễn tả hiện tại nên sai

B. Bạn đã bắt cần đến nỗi bạn đã để cửa sổ mở vào đêm qua. → sai nghĩa

C. Bạn không nên để cửa sổ mở vào đêm qua.

D. Bạn có thể đã bắt cần vì bạn đã để cửa sổ mở vào đêm qua. → sai nghĩa

→ **Chọn đáp án C**

Question 48:

Câu gốc: “Nếu tôi là bạn, tôi sẽ không nghe theo lời khuyên của anh trai anh ấy,” Linda nói với tôi.

A. Linda yêu cầu tôi không nghe theo lời khuyên của anh trai anh ấy. → sai nghĩa

B. Linda khuyên tôi không nên nghe theo lời khuyên của anh trai anh ấy.

C. Linda đề nghị tôi nên nghe theo lời khuyên của anh trai anh ấy. → sai nghĩa

D. Linda khuyến khích tôi nghe theo lời khuyên của anh trai anh ấy. → sai nghĩa

→ **Chọn đáp án B**

Question 49:

Câu gốc: Đạo văn là xấu. Một số sinh viên vẫn sẵn sàng làm như vậy.

A. Đạo văn không phải là xấu, một số sinh viên sẽ không sẵn sàng làm như vậy. → sai nghĩa

B. Mặc dù đạo văn xấu, một số sinh viên vẫn sẵn sàng làm như vậy.

C. Đạo văn tệ đến mức một số sinh viên vẫn sẵn sàng làm như vậy. → sai nghĩa

D. Tuy việc đạo văn xấu thế nào, nhưng một số sinh viên vẫn sẵn sàng làm như vậy. → đã có however, thì không dùng but.

→ **Chọn đáp án B**

Question 50:

Câu gốc: Thật không may, nam diễn viên chính bị ốm. Anh ấy không thể xuất hiện trên sân khấu tối nay.

A. Tôi ước gì nam diễn viên chính không bị ốm và có thể xuất hiện trên sân khấu tối nay. → "can" chưa chia quá khứ nên đáp án này sai

B. Tôi ước gì nam diễn viên chính không bị ốm và có thể xuất hiện trên sân khấu tối nay.

C. Giá mà nam diễn viên chính không bị ốm và có thể xuất hiện trên sân khấu đêm đó. → sai nghĩa

D. Giá mà nam diễn viên chính bị ốm và có thể xuất hiện trên sân khấu đêm nay. → sai nghĩa

→ **Chọn đáp án B**

----- The end -----